

Số: 2708/KH-UBND

Quảng Ngãi, ngày 10 tháng 5 năm 2017

KẾ HOẠCH

Tổng kết 06 năm thi hành Luật Thanh tra

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI	
CV	Số: 2708
ĐẾN	Ngày: 10.5.17
	Chuyên:

Thực hiện Kế hoạch số 922/KH-TTCP ngày 20/4/2017 của Thanh tra Chính phủ về tổng kết toàn quốc 06 năm thi hành Luật Thanh tra, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch tổng kết thi hành Luật Thanh tra năm 2010 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Đánh giá toàn diện thực tiễn 06 năm thi hành Luật Thanh tra; xác định những kết quả đạt được; những hạn chế, bất cập và nguyên nhân từ Luật Thanh tra và trong việc tổ chức thi hành Luật Thanh tra.

b) Đánh giá sự thống nhất, đồng bộ, phù hợp của Luật Thanh tra với Hiến pháp năm 2013, các luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Thanh tra Chính phủ (*Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo, Luật Tiếp công dân, Luật Phòng, chống tham nhũng*) và các luật khác có liên quan.

c) Kiến nghị Quốc hội, Chính phủ và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền: sửa đổi Luật Thanh tra và những văn bản pháp luật liên quan; các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thanh tra.

2. Yêu cầu

a) Trọng tâm tổng kết là việc thực hiện các quy định của Luật Thanh tra và các văn bản hướng dẫn thi hành; nội dung tổng kết phải phản ánh đúng thực trạng; chú trọng các nhận định, đánh giá và phát hiện mô hình, kinh nghiệm tốt, những khó khăn, bất cập, tránh việc thống kê kết quả đơn thuần hoặc báo cáo thành tích.

b) Việc tổ chức tổng kết phải được tiến hành nghiêm túc, khách quan, dân chủ và toàn diện từ cơ sở; thu hút và phát huy trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức ngành thanh tra, sự tham gia của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và người dân; bảo đảm tiến độ, chất lượng, tiết kiệm; chú trọng công tác tuyên truyền.

II. PHẠM VI, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG THỨC TỔNG KẾT

1. Phạm vi tổng kết

Tổng kết toàn diện việc thi hành Luật Thanh tra và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Thanh tra trong giai đoạn từ ngày 01/7/2011 đến ngày 30/6/2017 trên phạm vi toàn tỉnh.

2. Nội dung tổng kết

a) Công tác tổ chức thi hành Luật Thanh tra, bao gồm: sự chỉ đạo của lãnh đạo Sở, ngành, địa phương; việc xây dựng kế hoạch, chương trình thực hiện; việc hướng dẫn thi hành; việc tuyên truyền, tập huấn về Luật Thanh tra và các văn bản hướng dẫn thi hành.

b) Tình hình, kết quả thực hiện các quy định của Luật Thanh tra và văn bản hướng dẫn thi hành, trọng tâm là các quy định về: vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mô hình, cơ cấu tổ chức và hoạt động của các cơ quan thanh tra nhà nước, cơ quan được giao nhiệm vụ thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành.

c) Tình hình, kết quả thực hiện quyền và nghĩa vụ của các chủ thể trong hoạt động thanh tra, gồm: cơ quan và thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước; cơ quan và thủ trưởng cơ quan thanh tra nhà nước; cơ quan và thủ trưởng cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành; thanh tra viên; người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành; cộng tác viên thanh tra; đối tượng thanh tra; các chủ thể khác có liên quan.

d) Tình hình, kết quả phối hợp trong hoạt động thanh tra, giám sát, kiểm tra giữa các cơ quan thanh tra nhà nước các cấp, cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành, cơ quan chức năng thuộc Công an nhân dân, Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân, cơ quan kiểm tra của Đảng và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp.

đ) Nhận định và kiến nghị, trọng tâm là: đánh giá sự tuân thủ, phù hợp giữa các quy định của Luật Thanh tra so với Hiến pháp năm 2013 và các luật khác, nhất là các Luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Thanh tra Chính phủ; đánh giá thành công và hạn chế, bất cập của Luật Thanh tra và các văn bản hướng dẫn thi hành đối với việc nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thanh tra; xác định và phân tích rõ nguyên nhân của hạn chế, bất cập; đề xuất, kiến nghị cụ thể nội dung cần sửa đổi, bổ sung của Luật Thanh tra và các văn bản hướng dẫn thi hành.

3. Phương thức tổng kết

Tổng kết việc thi hành Luật Thanh tra được tiến hành theo các phương thức:

a) Khảo sát, kiểm tra, đánh giá thực tiễn thi hành Luật Thanh tra.

b) Xây dựng báo cáo tổng kết thi hành Luật Thanh tra ở cấp sở, ngành; cấp huyện và cấp tỉnh.

c) Tổ chức hội nghị tổng kết thi hành Luật Thanh tra ở cấp tỉnh:

- Thành phần tham dự: Thường trực Tỉnh ủy; Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh; Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh; Văn phòng Tỉnh ủy; Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy; Ban Nội chính Tỉnh ủy; Ban Dân vận Tỉnh ủy; Ban Tổ chức Tỉnh ủy; Công an tỉnh; Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh; Tòa án nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, ban ngành trực thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chánh Thanh tra sở; Thủ trưởng các cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành; Chánh Thanh tra các huyện, thành phố.

- Thời gian: 01 buổi vào khoảng từ ngày 10-20/7/2017.

d) Hoàn chỉnh báo cáo tổng kết của UBND tỉnh gửi Thanh tra Chính phủ trước ngày 30/7/2017.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Văn phòng UBND tỉnh

- Sắp xếp lịch của Chủ tịch UBND tỉnh dự Hội nghị tổng kết cấp tỉnh; phát hành Giấy mời đại biểu dự Hội nghị.

- Tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh ký phát hành báo cáo tổng kết thi hành Luật Thanh tra và dự Hội nghị tổng kết do Thanh tra Chính phủ tổ chức.

2. Thanh tra tỉnh

- Làm nhiệm vụ tổ chức và phục vụ Hội nghị.

- Xây dựng, ban hành kế hoạch chỉ đạo tổng kết thi hành Luật Thanh tra; hướng dẫn đề cương xây dựng báo cáo của các sở, ngành và cấp huyện trực thuộc;

- Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc tổng kết thi hành Luật Thanh tra; khảo sát, đánh giá thực tiễn thi hành Luật Thanh tra trong các sở, ngành và cấp huyện.

- Tổ chức 01 cuộc tọa đàm chuyên đề phối hợp trong hoạt động thanh tra, kiểm tra nhằm khắc phục tình trạng chồng chéo, trùng lặp, nâng cao hiệu

quả hoạt động thanh tra và 01 cuộc tọa đàm về kết luận thanh tra và việc thực hiện kết luận thanh tra.

- Phối hợp với Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thảo luận, đánh giá về tổ chức hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân trong tỉnh.

- Chuẩn bị nội dung tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh chủ trì tổ chức Hội nghị tổng kết thi hành Luật Thanh tra ở cấp tỉnh.

- Xây dựng dự thảo Báo cáo tổng kết thi hành Luật Thanh tra trình UBND tỉnh xem xét báo cáo Thanh tra Chính phủ trước ngày 30/7/2017.

- Thực hiện tuyên truyền về công tác tổ chức tổng kết thi hành Luật Thanh tra và kết quả thi hành Luật Thanh tra trên địa bàn tỉnh.

3. Đối với các sở, ngành trực thuộc UBND tỉnh

- Quán triệt chủ trương tổng kết thi hành Luật Thanh tra đến toàn thể Lãnh đạo sở, ngành; công chức làm nhiệm vụ thanh tra (*bao gồm: Thủ trưởng và công chức được giao nhiệm vụ thực hiện thanh tra chuyên ngành ở các Chi cục trực thuộc Sở*) và các bộ phận có liên quan (*nhất là các bộ phận tham mưu có liên quan đến hoạt động thanh tra*).

- Phân công lãnh đạo có trách nhiệm và cán bộ có năng lực nghiên cứu sâu sắc đề cương tổng kết, thực hiện đánh giá, xây dựng báo cáo tổng kết.

- Tổ chức lấy ý kiến công chức làm nhiệm vụ thanh tra và của tập thể lãnh đạo sở, ngành để hoàn chỉnh báo cáo.

- Gửi báo cáo tổng kết đầy đủ nội dung về Thanh tra tỉnh trước ngày 01/7/2017.

- Cử cán bộ có trách nhiệm tham gia vào các cuộc họp chuyên đề, tọa đàm do Thanh tra tỉnh tổ chức và tham dự Hội nghị tổng kết do UBND tỉnh tổ chức.

4. UBND các huyện, thành phố

- Quán triệt chủ trương tổng kết thi hành Luật Thanh tra đến tất cả thành viên UBND cấp huyện; toàn thể công chức cơ quan Thanh tra cấp huyện; công khai chủ trương, nội dung tổng kết trên Cổng thông tin điện tử của cấp huyện.

- Giao Chánh Thanh tra cấp huyện căn cứ đề cương tổng kết và thực hiện đánh giá, dự thảo báo cáo tổng kết việc thi hành Luật Thanh tra.

- Tổ chức lấy ý kiến tham gia của các thành viên UBND cấp huyện, công chức cơ quan thanh tra cấp huyện và đại diện các cơ quan: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Công an, Viện Kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân cấp huyện, Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy, Thành ủy.

- Hoàn chỉnh báo cáo gửi về Thanh tra tỉnh trước ngày 01/7/2017.

- Cử cán bộ có trách nhiệm tham gia vào các cuộc họp chuyên đề, tọa đàm do Thanh tra tỉnh tổ chức và tham dự Hội nghị tổng kết do UBND tỉnh tổ chức.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí đảm bảo cho công tác tổng kết thi hành Luật Thanh tra của UBND tỉnh giao cho Thanh tra tỉnh làm đầu mối lập dự toán, quản lý chi đúng tiêu chuẩn, định mức và quyết toán theo đúng quy định. Giao Sở Tài chính xem xét thẩm định, trình UBND tỉnh quyết định.

2. Kinh phí đảm bảo tổng kết ở các Sở, ngành, địa phương sử dụng trong dự toán ngân sách đã bố trí trong năm 2017 để thực hiện./.

Nơi nhận:

- Thanh tra Chính phủ (báo cáo);
- Vụ Pháp chế - Thanh tra Chính phủ;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- TT UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thành phố;
- VPUB: CVP, PCVP, TH, CBTH;
- Lưu: VT, NCđmhai246



Trần Ngọc Căng

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO TỔNG KẾT THI HÀNH LUẬT THANH TRA
(Dành cho các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố)
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 278/KH-UBND ngày 09/5/2017
của Chủ tịch UBND tỉnh)

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH CỦA LUẬT THANH TRA

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tuyên truyền, quán triệt Luật Thanh tra và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành

1.1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

1.2. Công tác tuyên truyền, quán triệt

2. Công tác ban hành, kiểm tra, theo dõi thi hành các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật Thanh tra và các văn bản có liên quan

2.1. Việc ban hành các văn bản hướng dẫn theo thẩm quyền

2.2. Công tác kiểm tra, theo dõi thi hành pháp luật.

3. Tổ chức bộ máy và đội ngũ công chức, viên chức của các cơ quan thực hiện chức năng thanh tra

3.1. Tổ chức thanh tra ở các Chi cục được giao chức năng thanh tra chuyên ngành (các Sở: Y tế, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương có nội dung này).

3.2. Biên chế, cơ cấu ngạch, bậc; công tác đào tạo, bồi dưỡng; việc thực hiện chuyên ngạch, nâng ngạch của đội ngũ công chức, viên chức trong các cơ quan thực hiện chức năng thanh tra (bao gồm công chức làm nhiệm vụ thanh tra ở các Chi cục).

3.3. Cơ chế đảm bảo kinh phí cho hoạt động của các cơ quan thực hiện chức năng thanh tra, bao gồm cả cho việc đảm bảo chính sách, chế độ đãi ngộ cho đội ngũ công chức, viên chức.

4. Công tác xây dựng, phê duyệt kế hoạch thanh tra, kiểm tra và điều phối, xử lý chồng chéo, trùng lặp trong hoạt động thanh tra, kiểm tra

4.1. Việc xây dựng, phê duyệt kế hoạch và điều chỉnh kế hoạch thanh tra, kiểm tra hàng năm của các cơ quan thực hiện chức năng thanh tra, kiểm tra.

4.2. Việc hướng dẫn, kiểm tra công tác xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra và thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra hàng năm.

4.3. Việc theo dõi, phối hợp xử lý chồng chéo, trùng lặp trong hoạt động thanh tra, kiểm tra giữa các cơ quan thực hiện chức năng thanh tra, kiểm tra.

Các Sở có các phòng và Chi cục có thực hiện chức năng thanh tra, kiểm tra chuyên ngành cần báo cáo, phân tích kỹ những mặt được và hạn chế, kiến nghị biện pháp khắc phục.

5. Hoạt động thanh tra hành chính và hoạt động thanh tra chuyên ngành

5.1. Tổng số cuộc thanh tra đã tiến hành (*có thể phân loại rõ hơn theo một số tiêu chí, bao gồm: cuộc thanh tra hành chính; cuộc thanh tra chuyên ngành; thanh tra theo chương trình, kế hoạch; thanh tra đột xuất ...*).

5.2. Tổng hợp kết quả hoạt động thanh tra, bao gồm tổng số cá nhân, tổ chức bị xử lý và kiến nghị xử lý (*hình thức xử lý*); tổng giá trị sai phạm về kinh tế phát hiện qua thanh tra; tổng giá trị sai phạm về kinh tế bị kiến nghị xử lý (*hình thức xử lý*); tổng hợp kiến nghị về chính sách, pháp luật.

5.3. Số cuộc thanh tra kết thúc đúng tiến độ; số cuộc chậm tiến độ tính tổng số và theo hàng năm trong giai đoạn tổng kết (*nêu rõ chậm ở giai đoạn nào trong quá trình tiến hành hoạt động thanh tra*).

5.4. Việc thực hiện công khai kết luận thanh tra (*hình thức công khai được áp dụng; nội dung thực hiện công khai; phạm vi tiến hành công khai và thời gian công khai tương ứng*).

5.5. Số vụ việc chuyển cơ quan điều tra cùng cấp (*bao gồm cả chuyển đề nghị khởi tố và chuyển xem xét, khởi tố*) và kết quả phối hợp xử lý các vụ việc đã chuyển (*số vụ đã khởi tố; số vụ đang xác minh; số vụ không khởi tố*).

6. Hoạt động kiểm tra, giám sát hoạt động của Đoàn thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm trong hoạt động thanh tra và theo dõi, giám sát, kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra

6.1. Công tác tổ chức việc kiểm tra, giám sát hoạt động của Đoàn thanh tra và kết quả kiểm tra, giám sát (*phương thức tổ chức hoạt động kiểm tra, giám sát; số trường hợp phát hiện vi phạm qua kiểm tra, giám sát*).

6.2. Tổng số vụ việc khiếu nại, tố cáo liên quan đến hoạt động thanh tra, kết quả giải quyết và dạng hành vi vi phạm trong hoạt động của Đoàn thanh tra phát hiện qua công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo.

6.3. Số vụ việc (*bao gồm cả tổng số người*) bị xử lý về hành vi vi phạm trong hoạt động thanh tra và các dạng hành vi vi phạm bị xử lý (*tính tổng số của mỗi dạng hành vi vi phạm theo quy định của Luật Thanh tra*); giá trị sai phạm (*nếu có*).

6.4. Tổng hợp kết quả theo dõi, giám sát, kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra: số cuộc kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra; kết quả thực hiện kết luận thanh tra (*tập trung các kiến nghị xử lý trách nhiệm, kinh tế*).

7. Hoạt động kiểm tra tính chính xác, tính hợp pháp của kết luận thanh tra và hoạt động thanh tra lại

7.1. Công tác tổ chức việc kiểm tra tính chính xác, tính hợp pháp của kết luận thanh tra: đơn vị được giao thực hiện; phương thức thực hiện; số kết luận đã được kiểm tra; kết quả kiểm tra. Nội dung này chỉ có ở các Sở có các Chi cục

được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành (*Y tế, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*).

7.2. Số cuộc thanh tra lại đã tiến hành (*nếu có*); tổng hợp các dạng căn cứ ra quyết định thanh tra lại; tổng hợp các dạng sai phạm được phát hiện qua thanh tra lại; kiến nghị xử lý và kết quả thực hiện sau thanh tra lại.

II. ĐÁNH GIÁ CÁC QUY ĐỊNH CỦA LUẬT THANH TRA, CÁC VĂN BẢN QUY ĐỊNH CHI TIẾT, HƯỚNG DẪN THI HÀNH VÀ VIỆC THI HÀNH LUẬT

1. Đánh giá việc thi hành Luật Thanh tra

1.1. Những mặt đạt được và tồn tại, hạn chế:

- Về lãnh đạo, chỉ đạo;
- Về kiện toàn tổ chức bộ máy;
- Về hiệu quả hoạt động;
- Về góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước.

1.2. Nguyên nhân của những hạn chế

- Nguyên nhân từ các quy định của Luật và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành (*nêu khái quát và lý giải mối quan hệ với tồn tại, hạn chế ở trên để tiếp tục phân tích cụ thể trong mục 2 ở dưới*).

- Nguyên nhân từ việc thi hành Luật và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành (*nêu rõ trên các khía cạnh cụ thể như: lãnh đạo, chỉ đạo; tuyên truyền, phổ biến; kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm ...*).

2. Đánh giá các quy định của Luật Thanh tra và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật

Việc đánh giá các quy định của Luật Thanh tra và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành tập trung vào những bất cập, hạn chế trước các yêu cầu thực tiễn trong tổ chức và hoạt động của các cơ quan thực hiện chức năng thanh tra, cũng như tính hợp hiến, hợp pháp và tính đồng bộ trong hệ thống pháp luật. Cụ thể như sau:

2.1. Các quy định chung của Luật Thanh tra

a) Vị trí, vai trò và chức năng của cơ quan thanh tra nhà nước trong mối quan hệ cơ quan thanh tra nhà nước cấp trên và cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp.

b) Trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước, Thủ trưởng cơ quan thanh tra; Thủ trưởng cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành.

c) Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân là đối tượng thanh tra và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan trong hoạt động thanh tra.

d) Các nguyên tắc trong hoạt động thanh tra và các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động thanh tra.

2.2. Tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan thanh tra nhà nước; cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành

a) Tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan thanh tra nhà nước và người đứng đầu cơ quan thanh tra nhà nước; của cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành và người đứng đầu cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành.

b) Mối quan hệ về tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn giữa các cơ quan thanh tra nhà nước và giữa các cơ quan thanh tra nhà nước với cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành, đặc biệt giữa Thanh tra tỉnh với Thanh tra huyện, Thanh tra sở và giữa Thanh tra sở với cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành trực thuộc Sở.

2.3. Thanh tra viên, người được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành, cộng tác viên thanh tra

a) Tiêu chuẩn chung, tiêu chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ và chế độ, chính sách (bao gồm cả việc cấp trang phục và cấp thẻ) đối với các ngạch thanh tra viên.

b) Tiêu chuẩn chung, tiêu chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ và chế độ, chính sách đối với công chức thanh tra chuyên ngành.

c) Tiêu chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ và trách nhiệm, chế độ, chính sách đối với cộng tác viên thanh tra.

d) Chế độ đào tạo, bồi dưỡng về nghiệp vụ, đặc biệt là nghiệp vụ thanh tra cho các ngạch thanh tra viên, công chức thanh tra chuyên ngành.

2.4. Hoạt động thanh tra và giám sát hoạt động của Đoàn thanh tra

a) Các quy định về xây dựng, phê duyệt Định hướng chương trình, kế hoạch thanh tra; hình thức, căn cứ ra quyết định thanh tra, công khai kết luận thanh tra, các thời hạn trong hoạt động thanh tra và việc xử lý vi phạm trong hoạt động thanh tra.

b) Thẩm quyền, trình tự, thủ tục tiến hành hoạt động thanh tra hành chính, hoạt động thanh tra chuyên ngành, đặc biệt là hoạt động thanh tra liên ngành, hoạt động thanh tra của công chức thanh tra chuyên ngành.

c) Nhiệm vụ, quyền hạn và đặc biệt là việc thực hiện các quyền trong hoạt động thanh tra của người ra quyết định thanh tra, trưởng đoàn thanh tra, thành viên đoàn thanh tra, thanh tra viên, công chức thanh tra chuyên ngành.

d) Thẩm quyền, trình tự, thủ tục, phương thức tổ chức giám sát đối với hoạt động của Đoàn thanh tra; việc tổ chức thẩm định và quy trình thẩm định dự thảo Kết luận thanh tra.

đ) Quyền, nghĩa vụ của đối tượng thanh tra.

2.5. Hoạt động theo dõi, giám sát, kiểm tra thực hiện kết luận thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm trong hoạt động thanh tra và thanh tra lại

a) Thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục theo dõi, giám sát, kiểm tra và các biện pháp đảm bảo việc thực hiện kết luận thanh tra và các quyết định xử lý về thanh tra, đặc biệt là xử lý vi phạm của tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện.

b) Thẩm quyền, trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động thanh tra, bao gồm khiếu nại đối với quyết định thanh tra, quyết định hành chính, hành vi hành chính trong hoạt động thanh tra và kết luận thanh tra.

c) Thẩm quyền, trình tự, thủ tục, căn cứ, kết quả, hậu quả pháp lý và các điều kiện đảm bảo cho hoạt động thanh tra lại.

d) Thẩm quyền, trình tự, thủ tục và hình thức xử lý vi phạm pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động thanh tra.

2.6. Một số nội dung khác có liên quan

a) Tính hợp hiến, hợp pháp và tính đồng bộ của Luật Thanh tra và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Thanh tra trong hệ thống pháp luật.

b) Chế độ thông tin báo cáo về công tác thanh tra (*bao gồm cả hệ thống biểu mẫu theo quy định của pháp luật hiện hành*).

c) Các quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí được trích từ các khoản thu hồi phát hiện qua công tác thanh tra đã thực nộp vào ngân sách nhà nước.

d) Thanh tra nhân dân và các nội dung khác (nếu có).

III. ĐỀ XUẤT KIẾN NGHỊ

Trên cơ sở đánh giá những mặt đạt được, nhất là những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân, các Sở, ngành, địa phương đề xuất các kiến nghị tập trung vào một số nội dung trọng tâm như sau:

1. Các giải pháp hoàn thiện Luật Thanh tra và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật

- Hoàn thiện Luật Thanh tra và các văn bản hướng dẫn thi hành (*có thể đưa ra các giải pháp cụ thể theo nhóm các nội dung đề cập tại điểm 2 Mục II Đề cương báo cáo*).

- Hoàn thiện các văn bản pháp luật có liên quan - nếu có (*đưa ra các giải pháp cụ thể kèm theo những luận giải chi tiết*).

- Đánh giá sơ bộ tác động của nhóm giải pháp được đề xuất (*tập trung vào tác động về mặt chi phí tuân thủ, tổ chức thực hiện; về tổ chức bộ máy và thủ tục hành chính hoặc những tác động đối với doanh nghiệp - nếu có ...*).

2. Các giải pháp về tổ chức thi hành Luật Thanh tra

- Về lãnh đạo, chỉ đạo việc tổ chức thực hiện.

- Về các điều kiện đảm bảo thi hành Luật như về tổ chức bộ máy, biên chế, kinh phí và các nguồn lực cần thiết cho các cơ quan thực hiện chức năng thanh tra.

- Các giải pháp tổ chức thực hiện khác.

Lưu ý:

- Báo cáo tổng kết thi hành Luật Thanh tra cùng các Phụ lục kèm theo đề nghị gửi về Thanh tra tỉnh trước ngày 15/7/2017, kèm theo bản mềm về địa chỉ thư điện tử: vttha-ttra@quangngai.gov.vn.

- Toàn bộ kế hoạch, đề cương báo cáo tổng kết và các phụ lục kèm theo được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Thanh tra tỉnh tại địa chỉ: ttra.quangngai.gov.vn (mục *Tổng kết Luật Thanh tra*).

SỞ, NGÀNH, UBND HUYỆN, THÀNH PHỐ ...

PHỤ LỤC SỐ 1
TỔNG HỢP CÔNG TÁC XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG THANH TRA
(số liệu tính đến ngày 30/6/2017)

Đơn vị	Thực trạng công chức, viên chức, người lao động tại các cơ quan thanh tra nhà nước tính đến thời điểm báo cáo					Thực trạng tổ chức và biên chế tại cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành (TTCN) tại chi cục thuộc Sở						Ghi chú
	Tổng số	Trong đó				Số cơ quan thanh tra được thành lập tại chi cục thuộc Sở trước khi có Nghị định 07/2012/NĐ-CP	Số cơ quan được giao thực hiện chức năng TTCN hiện nay (được thành lập theo Nghị định số 07/2012/NĐ-CP và Nghị định khác)	Số lượng công chức, viên chức, người lao động làm công tác TTCN tại cơ quan được giao thực hiện chức năng TTCN				
		Số TTV cao cấp	Số TTV chính	Số TTV	Số công chức, viên chức và lao động hợp đồng khác			Tổng số	Công chức thanh tra chuyên ngành	Viên chức, người lao động khác	Thanh tra viên (nếu có)	
MS	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Tổng												

Quảng Ngãi, ngày ... tháng ... năm 2017

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(ký tên, đóng dấu)

Lưu ý:

- Các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Y tế, Công Thương điền đầy đủ thông tin;
- + Thanh tra sở điền từ cột 1 đến cột 5
- + Thanh tra các Chi cục điền từ cột 6 đến cột 12
- Các sở còn lại và các huyện, thành phố chỉ điền từ cột 1 đến cột 5

SỞ, NGÀNH, UBND HUYỆN, THÀNH PHỐ

PHỤ LỤC SỐ 2
TỔNG HỢP KẾT QUẢ CÔNG TÁC THANH TRA HÀNH CHÍNH
(số liệu tính từ ngày 01/7/2011 đến ngày 30/6/2017)

Đơn vị	Số cuộc thanh tra đã thực hiện						Tổng vi phạm phát hiện qua thanh tra			Kiến nghị thu hồi			Kiến nghị khác		Kiến nghị xử lý				Đã thu		Tổng số KLT đã kiểm tra, đơn đốc	Ghi chú
	Tổng số	Hình thức		Cuộc thanh tra đặc thù			Tiền (hoặc tài sản quy thành tiền)	Đất (m ²)	Tài sản khác	Tiền (Tr.đ)	Đất (m ²)	Tài sản khác	Tiền (Tr.đ)	Đất (m ²)	Hành chính		Chuyên cơ quan điều tra		Tiền (Tr.đ)	Đất (m ²)		
		Theo kế hoạch	Đột xuất	Thanh tra liên ngành	Thanh tra lại	Thanh tra bị chồng chéo, trùng lặp									Tổ chức	Cá nhân	Vụ	Cá nhân				
MS	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
Tổng																						

Quảng Ngãi, ngày ... tháng ... năm 2017

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(ký tên, đóng dấu)

Lưu ý:

- Cột (1) = (2) + (3)
- Biểu này bao gồm cả kết quả thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về thanh tra, giải quyết KNTC và PCTN
- Cột 19, 20 là tổng kết quả thu hồi trong quá trình thanh tra hoặc ngay sau khi có kết luận thanh tra và kết quả kiểm tra, đơn đốc xử lý sau thanh tra

SỞ, NGÀNH ...

PHỤ LỤC SỐ 3
TỔNG HỢP KẾT QUẢ CÔNG TÁC THANH TRA CHUYÊN NGÀNH
(số liệu tính từ ngày 01/7/2011 đến ngày 30/6/2017)

Đơn vị tính: Tiền (triệu đồng)

Đơn vị	Số cuộc thanh tra, kiểm tra			Kết quả														Ghi chú
	Tổng số	Thành lập đoàn	Thanh tra độc lập	Số có vi phạm			Số tiền sai phạm phát hiện qua thanh tra, kiểm tra (Tr.đ)	Số tiền kiến nghị thu hồi (Tr.đ)	Số tiền xử lý tài sản vi phạm			Số tiền xử phạt vi phạm			Số tiền đã thu			
				Tổng số	Cá nhân	Tổ chức			Tổng số	Tịch thu (thành tiền)	Tiêu hủy (thành tiền)	Tổng số	Cá nhân	Tổ chức	Tổng số	Tổ chức	Cá nhân	
MS	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7	8	9=10+11	10	11	12=13+14	13	14	15=16+17	16	17	18
Tổng																		

Quảng Ngãi, ngày ... tháng ... năm 2017

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(ký tên, đóng dấu)

Lưu ý:

- Cột 15, 16, 17 là số tiền đã thu từ kết quả kiến nghị thu hồi từ cột 8 + số tiền xử lý tài sản vi phạm từ cột 9 + số tiền xử phạt vi phạm hành chính đã thu từ cột 12
- Cột "Đơn vị" để các Sở: NN&PTNT; Y tế; Công Thương thống kê kết quả thực hiện của các đơn vị trực thuộc